

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/DS-ST.  
Ngày: 03-10-2019  
V/v Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Kim Anh
2. Bà Nguyễn Thị Nam Hải

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:***  
Ông Ngô Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích L; sinh năm: 1991; địa chỉ: Tổ 16, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt)

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1961; địa chỉ: thôn T, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Bích L trình bày:*

Bà L là người buôn bán, chuyên nhận áo quần hàng lạnh về bán sỉ và lẻ cho các đại lý. Do có người giới thiệu nên trong khoảng thời gian từ ngày 02/2/2019 đến ngày 27/3/2019, bà có bán cho bà Nguyễn Thị T nhiều lần mặt hàng quần áo. Lúc đầu bà T lấy hàng khoảng 10.000.000đ nhưng không trả tiền. Sau đó, bà T hẹn sẽ trả nợ dần dần nên bà L cho bà T tiếp tục lấy hàng về bán. Trong tháng 02/2019, hai bên đã chốt nợ là bà T còn nợ lại số tiền 60.000.000đ. Bà T hứa sẽ góp mỗi ngày 2.000.000đ để trả nợ và bà L tiếp tục bán hàng cho bà T các lần sau đó. Đồng thời, những lần sau mua hàng, bà T đều không trả ngay mà nợ lại. Đến ngày 27/3/2019, bà L cộng số tiền 60.000.000đ mà bà T nợ trước đó với số tiền mua hàng sau này và trừ đi số tiền bà T đã góp thì bà T còn nợ lại số tiền 65.000.000đ. Bà T đã ký vào cam kết ngày 27/3/2019 và hẹn mỗi ngày sẽ trả 2.000.000đ trong vòng 1 tháng để trả hết nợ cho bà L.

Sau đó, bà L có một số hàng tồn nên muốn bán hết. Bà T có nói là sẽ vay tiền của người khác để trả nên bà L đồng ý bán tiếp 05 lô hàng với giá trị tổng cộng 35.407.000đ. Từ sau ngày 04/4/2019, bà T nói là mình bị đau chân nên không bán hàng được và chưa trả số tiền còn nợ cho bà L. Tính đến nay, bà T còn nợ của bà L số tiền tổng cộng là 100.407.000đ (một trăm triệu, bốn trăm linh bảy nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà L cho rằng sau ngày 27/3/2019, bà T đã trả được 2 lần, lần đầu 1.000.000đ và lần sau 800.000đ. Tổng cộng: 1.800.000đ nên bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại số tiền còn nợ là 98.607.000đ (chín mươi tám triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bà L không có ý kiến và trình bày gì thêm.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà xác nhận từ ngày 02/2/2019 đến ngày 27/3/2019, bà T nhiều lần mua hàng quần áo vải lạnh của bà L với số lượng và số tiền cụ thể thì bà không nhớ rõ. Đến ngày 27/3/2019, bà L cộng dồn vào sổ và chốt nợ với số tiền là 65.000.000đ. Bà T hẹn mỗi ngày góp 2.000.000đ để trả nợ cho bà L để trả hết số nợ trên. Vì vậy, sau khi chốt nợ, mỗi ngày bà T đều góp cho bà L số tiền từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ trong vòng 28 ngày. Tổng số tiền bà T đã góp cho bà L là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng).

Từ ngày 29/3/2019 đến ngày 04/4/2019, bà T tiếp tục mua hàng của bà L với số tiền tổng cộng là 35.407.000đ (ba mươi lăm triệu, bốn trăm linh bảy nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền này bà T đã góp cho bà L trong vòng 7 ngày, số tiền mỗi ngày góp từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ với số tiền tổng cộng là bao nhiêu thì bà T không nhớ. Bà T xác định hiện tại chỉ còn nợ của bà L số tiền 12.000.000đ tiền lãi.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền còn nợ thì bà T không đồng ý vì bà đã trả đủ tiền cho bà L. Đối với số tiền lãi còn nợ là 12.000.000đ thì bà T yêu cầu bà L giảm cho bà vì hiện nay bà T không có khả năng trả nợ.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị Bích L số tiền còn nợ tổng cộng là 98.607.000đ (chín mươi tám triệu, sáu trăm linh bảy nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích L và bị đơn bà Nguyễn Thị T. Bị đơn đang cư trú tại thôn T, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền tổng cộng là 98.607.000đ (chín mươi tám triệu, sáu trăm linh bảy nghìn đồng). HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 224 BLTTDS chấp nhận ý kiến trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự đều thừa nhận từ ngày 02/2/2019 đến ngày 27/3/2019, bà Huỳnh Thị Bích L đã nhiều lần bán hàng quần áo vải lanh cho bà Nguyễn Thị T với số tiền cụ thể thì các bên không nhớ. Tuy nhiên, vào ngày 27/3/2019, hai bên chốt sổ thì bà T còn nợ lại của bà L số tiền 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng). Đồng thời, từ ngày 29/3/2019 đến ngày 04/4/2019, các bên thừa nhận bà T có mua hàng của bà L với số tiền tổng cộng là 35.407.000đ (ba lăm triệu, bốn trăm linh bảy nghìn đồng). Như vậy, có cơ sở xác định việc mua bán giữa bà Huỳnh Thị Bích L và bà Nguyễn Thị T là có thật.

Xét việc thực hiện hợp đồng mua bán giữa các bên thì thấy:

Bà L cho rằng bà T nhiều lần mua hàng và chỉ góp tiền để trả cho bà L trong khoảng thời gian trước ngày 27/3/2019. Sau ngày 27/3/2019 đến nay, bà T chỉ góp được 1.800.000đ và được bà L trừ vào số nợ nên hiện nay bà T còn nợ lại số tiền 98.607.000đ (chín mươi tám triệu, sáu trăm linh bảy nghìn đồng). Lời trình bày của bà L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp nên có cơ sở để HĐXX xem xét.

Bà T xác định đến ngày 27/3/2019, bà còn nợ của bà L số tiền 65.000.000đ và từ ngày 29/3/2019 đến ngày 04/4/2019, bà có mua hàng của bà L với số tiền tổng cộng là 35.407.000đ. Bà T cho rằng bà đã góp cho bà L nhiều lần với số tiền mỗi ngày từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ. Tổng cộng số tiền bà T đã góp cho bà L thì bà T không nhớ rõ. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc mình đã trả tiền cho bà L nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến này của bà T.

Đối với số tiền 1.800.000đ, bà T không có chứng cứ gì để chứng minh đã trả cho nguyên đơn sau ngày 27/3/2019 nhưng được nguyên đơn thừa nhận nên HĐXX chấp nhận để trừ vào yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên HĐXX xác định bà Nguyễn Thị T còn nợ của bà Huỳnh Thị Bích L số tiền mua hàng tổng cộng 98.607.000đ (65.000.000đ + 35.407.000đ – 1.800.000đ) là đúng, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích L có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 440 BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

Về khoản lãi suất đối với số tiền nêu trên bà Huỳnh Thị Bích L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 224; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 357; 430, 440; 468 Bộ luật Dân sự, Luật phí và lệ phí, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích L đối với bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị Bích L số tiền còn nợ tổng cộng là 98.607.000đ (chín mươi tám triệu, sáu trăm linh bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.930.000đ (bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST. Bà Huỳnh Thị Bích L không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Bích L số tiền 2.510.000đ (hai triệu, năm trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001985 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án gửi đến hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân**